



CÔNG TY TNHH QUẢNG KẾT
QUANGKET CO., LTD - 廣結責任有限公司

CATALOGUE



CÔNG TY TNHH QUẢNG KẾT
QUANGKET CO., LTD - 廣結責任有限公司

- 📍 Thửa Đất Số 889, Tờ Bản Đồ Số 37, Kp. Long Bình, P. Khánh Bình, Thị Xã Tân Uyên, Bình Dương
Land plot No. 889, Map sheet No. 37, Long Bình Ward, Khanh Binh Ward, Tan Uyen Town, Binh Duong
- ☎ 0274 366 2100-090 924 2748
- ✉ quangketcn@gmail.com
- 🌐 <https://quangketcn.com/>



Công Ty TNHH Quảng Kết được thành lập năm 2016, có trụ sở chính tại TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

- Hiện tại có 2 nhà máy và 1 kho hàng, với tổng diện tích :30,000 m²

- Địa chỉ nhà máy 1: Thửa đất số 889, Tờ bản đồ 37, KP. Long Bình, P. Khánh Bình, TX. Tân Uyên, Bình Dương

- Địa chỉ nhà máy 2: Đường DH 423, KP Tân Bình, P. Tân Hiệp, TX. Tân Uyên, Bình Dương

- Kho hàng :27/13 Vĩnh Phú 24, KP Trung, P. Vĩnh Phú, TP. Thuận An, Bình Dương

- *Quang Ket Co., Ltd was established in 2016, headquartered in Thuan An city, Binh Duong province.*

- *Currently, there are 2 factories and 1 warehouse, with a total area of 30,000 m²*

- *Factory address 1: Land plot No. 889, Map sheet No. 37, Long Binh Ward, Khanh Binh Ward, Tan Uyen Town, Binh Duong*

- *Factory address 2: DH Road 423, Tan Binh Ward, Tan Hiep Ward, Tan Uyen Town, Binh Duong*

- *Warehouse: 27/13 Vinh Phu 24, Trung Ward, Vinh Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong*

- 廣結責任有限公司成立為2016年，位於平陽省順安市。

- 目前有2間廠房及1間倉庫，總面積30,000平方米

- 第1廠房地址: 越南平陽省, 新淵縣, 慶平坊, 龍平區, 地圖37號, 889地

- 第2廠房地址: 越南平陽省, 新淵縣, 新協坊, 新平街DH423路

- 倉庫地址: 越南平陽省, 順安市, 永富坊, 中區, 永富24號路, 27/13 號



COPYRIGHT OF QUANG KET CO., LTD



- Lĩnh vực kinh doanh : chuyên sản xuất và cung cấp các loại ốc vít dùng cho tất cả các ngành xây dựng, nội thất, công nghiệp gỗ, điện tử....

- Nhà máy có hơn 300 máy móc các loại, với hơn 400 lao động lành nghề và đội ngũ nghiên cứu, phát triển kỹ thuật, chuyên gia trên 30 năm kinh nghiệm trong ngành ốc vít của Đài Loan và Việt Nam.

- Tổng sản lượng cung cấp cho thị trường nội địa hàng năm đạt: hơn 15000 tấn/ 1 năm.

- *Business field: specializes in manufacturing all kinds of screws for all industries*

- *The factory has more than 300 machines of all kinds, with more than 400 skilled workers and a team of technical research and development experts with over 30 years of experience in the fastener industry of Taiwan and Vietnam.*

- *The total output supplied to the domestic market annually reaches: more than 15000 tons/ 1 year*

- 營業項目: 專業為建築業, 家具業, 木器業, 電子業製造及供應各種螺絲。

- 工廠有300多台各類機器及400多專業員工, 在台灣和越南螺絲行業擁有30多經驗的技術研發專家團隊。

- 每年供應國內市場總產量達: 15000噸以上/1年



QUY TRÌNH SẢN XUẤT ỐC VÍT **SCREWS MANUFACTURING PROCESS**

生產螺絲流程

Nhập Liệu Thô
Raw Materials
進料



01

Dập Đầu
Cold Extrusion
打頭



02

Kẹp Đuôi
Self Drilling Screw Forming
夾尾



03

Cán Ren
Thread Rolling
搓牙



04

Xử Lý Nhiệt
Heat Treatment
熱處理



05

Xi Mạ
Alloy Plating
電鍍



06

CÁC LOẠI VÍT CÓ MŨI TỰ KHOAN **SELF DRILLING SCREWS** | 鑽尾螺絲

- Vít tự khoan lục giác (vít bắn tôn)/ Hex washer flange/六角鉗尾螺絲.....06
- Vít bắn tôn 2 răng/ Double thread self drilling screws/雙螺紋鉗尾螺絲.....06
- Vít đầu dùi/ Truss head /紐扣頭鉗尾螺絲.....07
- Vít bắn ngói/ Countersunk head type 1/鑽尾螺絲 平頭 十字孔.....08
- Vít loa kèn/ Bugle head/喇叭頭鉗尾螺絲.....09
- Vít sàn/ Countersunk head type 2/地板鉗尾螺絲.....10
- Vít cánh/ Countersunk wing/翅膀鉗尾螺絲.....10

CÁC LOẠI VÍT TỰ TẠO REN | **SELF TAPPING SCREWS** | 自攻螺絲

- Vít gỗ đầu bằng loại 1(M4.0)/ Drywall screws (coarse)/平頭木螺絲.....11
- Vít thạch cao/ Drywall screws(Twinfast)/石膏螺絲.....12
- Vít gỗ đầu tròn/ Pan head wood screws/盤頭木螺絲.....13
- Vít gỗ đầu bằng loại 2 (M3.0, M3.5)/ Chipboard screws/ 平頭木螺絲.....13
- Vít gỗ lục giác/ Hex washer wood screws/六角木螺絲.....14

VÍT VÀ TÁN LẮP RÁP | **ASSEMBLY SCREW AND NUTS** | 組裝螺絲和螺母

- Vít tay nắm/ Pan head machine thread screws/盤頭機螺紋螺絲.....15
- Vít lục giác chìm/ Hex socket head cap bolts/螺桿.....16
- Khớp nối 2 đầu răng/ Double threaded/雙頭牙.....17
- Tán sò/ Double threaded nuts /內外牙.....18
- Đai ốc/ Nuts/螺帽.....19
- Tán 4 chấu/ Four-pronged T-nuts/四角釘.....20

CÁC SẢN PHẨM ĐẶC BIỆT KHÁC

OTHER SPECIAL PRODUCTS | 各類特殊產品

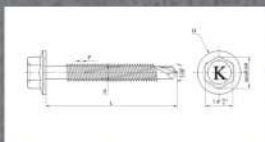
-21
-22

COPYRIGHT OF QUANG KẾT CO., LTD.

VÍT BẮN TÔN HEX WASHER FLANGE

六角鈹尾螺絲

Vít tự khoan lục giác (vít bắn tôn)
Hex Washer Flange
六角鈹尾螺絲



Kích cỡ/ size

Chiều dài/ Length

mm inch

25 1"

40 1-1/2"

50 2"

60 2-3/8"

75 3"

100 4"

120 4-3/4"

150 6"

- Dùng trong các công trình để gắn kết các kết cấu thép với mái lợp tạo nên bề mặt che phủ lớn.
- Dùng để gắn kết giữa các kết cấu thép với nhau, hoặc gắn kết các vật liệu có trọng tải từ hạng nhẹ- nặng

- Used in constructions purpose to attach steel structures with roofs in order to create a large covering surface.

- Used to attach steel bars in the structures together or mount materials with light-heavy loads

- 用於建築目的，將鋼結構與屋頂連接起來，以形成一個大的覆蓋表面。
- 用於將結構中的鋼筋連接在一起或安裝輕重載荷的材料。



VÍT BẮN TÔN HAI RĂNG NHÚNG NÓNG DOUBLE THREAD SELF DRILLING SCREW

雙螺紋鈹尾螺絲



Vít bắn tôn 2 răng
Double thread self drilling screw
雙螺紋鈹尾螺絲

Kích cỡ/ size

Chiều dài/ Length

mm inch

25 1"

40 1-1/2"

50 2"

55 2-1/4"

60 2-3/8"

68 2-3/4"

75 3"

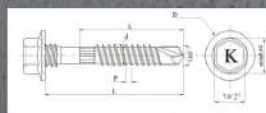
100 4"

- Dùng trong các công trình, hoặc giữa các vật liệu có trọng tải nhằm gắn kết các kết cấu thép với mái lợp tạo ra bề mặt che phủ lớn.

- Đặc biệt do vít có phần răng thứ hai, phía sát cổ dùng để chống biến dạng phần mái lợp khi di chuyển trên bề mặt.

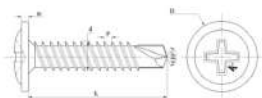
- Used in constructions or between heavy materials to attach steel frames to roofs in order to create a large covering surface. Especially because the screw has a second tooth, close to the screw's neck which is used to prevent deformation of the roof when moving on the surface.

- 用於建築物或重型材料之間，將鋼結構連接到屋頂以形成大的覆蓋表面。
- 螺絲的特別是螺絲有第二個齒，靠近螺絲的頸部，用於防止屋頂在表面上移動時變形。



VÍT ĐẦU DÙ
TRUSS HEAD
紐扣頭鉗尾螺絲

Vít đầu dũ
Truss Head
紐扣頭鉗尾螺絲

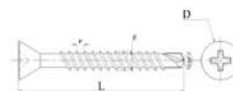


Kích cỡ/ size	Chiều dài/ Length	mm	13	16	19	25	30	40	50	60
#8*L		inch	1/2"	5/8"	3/4"	1"	1-1/4"	1-2/4"	2"	2-3/8"

- Dùng trong kết cấu thép dân dụng như tấm poly-carbonnat, bìa cứng, tấm nhôm
- Used in steel structures such as polycarbonate sheets, cardboard, aluminum sheets
- 用於鋼結構，如聚碳酸酯板、紙板、鋁板

VÍT BẮN NGÓI
COUNTERSUNK HEAD TYPE 1
鑽尾螺絲 平頭 十字孔

Vít bắn ngói
Countersunk head type 1
鑽尾螺絲 平頭 十字孔

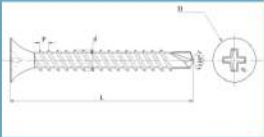


Kích cỡ/ size	Chiều dài/ Length		
	mm	inch	
#8*L #10*L	20	3/4"	- Dùng trong việc cố định ngói với hệ khung mái nhà hoặc xà gỗ.
	25	1"	
	30	1-1/4"	- Used in fixing tiles to roof frames or purlins.
	40	1-1/2"	
	50	2"	- 用於將瓷磚固定到屋頂框架或檁條上.
	60	2-3/8"	
	70	2-3/4"	
	75	3"	
	100	4"	

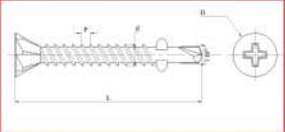


VÍT LOA KÈN BUGLE HEAD 喇叭頭鉋尾螺絲

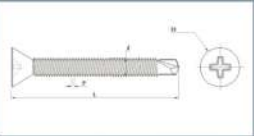


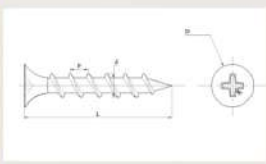
Vít loa kèn Bugle Head 喇叭頭鉋尾螺絲	Kích cỡ/ size	Chiều dài/ Length		
		mm	inch	
	#6*L	13	1/2"	- Sự lựa chọn tốt nhất nhằm mục đích gắn chặt khung cửa hoặc cửa sổ, trên các bề mặt phẳng như sàn, trần... đạt được sự thẩm mỹ do có đầu chìm ẩn bên trong.
		16	5/8"	- The best choice for fastening door or window frames, on flat surfaces such as floors, and ceilings... creates aesthetics due to the hidden recessed head inside
		20	3/4"	- 固定門或窗框的最佳選擇，在地板和天花板等平面上。由於內部隱藏的門頭，創造了美感。
		25	1"	
		30	1-1/4"	
		40	1-1/2"	
		50	2"	

VÍT CÁNH COUNTERSUNK WING 翅膀鑽尾螺絲

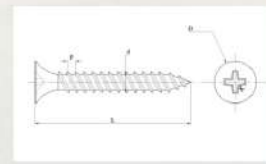
Vít cánh Countersunk Wing 翅膀鑽尾螺絲	Kích cỡ/ size	Chiều dài/ Length		Do vít có cánh, tạo lỗ rộng để ngăn cho ren ăn khớp trong quá trình khoan nên thích hợp: - Dùng để gắn kết bề mặt khung vật liệu gỗ với khung thép. - Gắn kết phần ván gỗ với khung thép. - Gắn kết phần lợp ván gỗ với tấm sàn và khung thép. Since the screw has a wing, creating a wide hole to prevent the thread from engaging during drilling, it is appropriate: - Used to attach the surface of the wooden frame to the steel frame. - Attach the wooden plank to the steel frame. - Attach the wooden roofing part to the floor plate and steel frame. 由於螺釘有一個翼，形成一個寬孔以防止螺紋在鑽孔過程中啮合，因此是合適： - 用於將木架表面連接到鋼架上。 - 將木板連接到鋼架上。 - 將木製屋頂部分連接到地板和鋼架上。
		mm	inch	
	#8*L	25	1"	
		30	1-1/4"	
		40	1-1/2"	

VÍT SÀN COUNTERSUNK HEAD TYPE 2 地板鉋尾螺絲

Vít sàn Countersunk Head type 2 地板鉋尾螺絲	Kích cỡ/ size	Chiều dài/ Length		
		mm	inch	
	M4*L M5*L M6*L	12	1/2"	- Là sự lựa chọn tốt nhất nhằm gắn các khung cửa, cửa sổ. - Sử dụng trong bề mặt phẳng như sàn, trần... và được sử dụng trong các lỗ khoan nhằm lấp đầy lỗ khoan. - This is the best choice for mounting door frames, and windows. - Used on a flat surface such as floor, or ceiling... and used in drill holes to fill the drill hole.
		20	3/4"	
		25	1"	- 這是安裝門框和窗戶的最佳選擇。 - 用於平坦表面，如地板或天花板.....並用於鑽孔以填充鑽孔。
		30	1-1/4"	

Vít gỗ đầu bằng loại 1(M4.0) Drywall screws (coarse) 平頭木螺絲	Kích cỡ/ size	Chiều dài/ Length		
		mm	inch	
	#8*L	25	5/8"	- Dùng vít để gắn kết kim loại vào gỗ. - Dùng để cố định các tấm ván hoặc vật liệu mềm vào bề mặt gỗ với mặt đầu phẳng.
		20	3/4"	- Use screws to attach metal to wood. - Used to fix boards or soft materials to wooden surfaces with flat ends.
		25	1"	
		30	1-1/4"	使用螺釘將金屬固定在木頭上。 用於將木板或軟質材料固定在木端平坦的木質表面上
		40	1-1/2"	
		50	2"	
		60	2-3/8"	
		70	2-3/4"	

VÍT GỖ ĐẦU BẰNG
DRYWALL SCREWS (COARSE)
平頭木螺絲

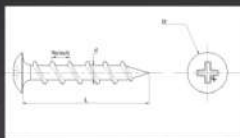
Vít thạch cao Drywall screws(Twinfast) 石膏螺絲	Kích cỡ/ size	Chiều dài/ Length		
		mm	inch	
	#6*L, #7*L	13	1/2"	- Do phần tiếp giáp đầu trục được thiết kế cong hơn so với vít gỗ nhằm chống rách vách thạch cao. - Dùng để liên kết giữa các tấm thạch cao với khung sườn.
		16	5/8"	- Because the shaft junction is designed to be more curved than wood screws to prevent the tearing of drywall. - Used to connect the plasterboard with the frame.
		20	3/4"	
		25	1"	- 因為軸連接處的設計比木螺釘更彎曲，以防止幹牆撕裂。 - 用於連接石膏板與框架。
		30	1-1/4"	
		40	1-1/2"	
		50	2"	

VÍT THẠCH CAO
DRYWALL SCREWS(TWINFAST)
石膏螺絲

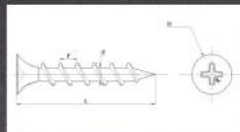


VÍT GỖ ĐẦU TRÒN PAN HEAD WOOD SCREW 傘頭木螺絲

Vít gỗ đầu tròn
Pan head wood screw
傘頭木螺絲



Vít gỗ đầu bằng loại 2 (M3.0, M3.5)
Chipboard screws
平頭木螺絲



VÍT GỖ ĐẦU BẰNG LOẠI 2 CHIPBOARD SCREWS 平頭木螺絲

Kích cỡ/ size

Chiều dài/ Length

mm

inch

#6*L
#7*L
M3.0*L
M3.5*L

15

5/8"

20

3/4"

25

1"

30

1-1/4"

40

1-1/2"

50

2"

60

2-3/8"

70

2-3/4"

- Dùng vít để gắn kết kim loại vào gỗ.
- Dùng để cố định các tấm ván hoặc vật liệu mềm vào bề mặt gỗ với mặt đầu phẳng.

- Use screws to attach metal to wood.
- Used to fix boards or soft materials to wooden surfaces with flat ends.

- 使用螺釘將金屬固定在木頭上。
- 用於將木板或軟質材料固定在末端平坦的木質表面上。

- Dùng vít để gắn kết kim loại vào gỗ.
- Dùng để cố định các tấm ván hoặc vật liệu mềm vào bề mặt gỗ với mặt đầu phẳng.

- Use screws to attach metal to wood.
- Used to fix boards or soft materials to wooden surfaces with flat ends.

- 使用螺釘將金屬固定在木頭上。
- 用於將木板或軟質材料固定在末端平坦的木質表面上。



VÍT GỖ LỤC GIÁC | HEX WASHER WOOD SCREWS | 六角木螺絲



Vít gỗ lục giác
Hex washer wood screws
六角木螺絲

Kích cỡ/ size

Chiều dài/ Length

mm

inch

25

1"

40

1-1/2"

50

2"

60

2-3/8"

75

3"

100

4"

120

4-3/4"

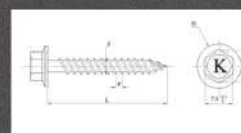
150

6"

- Do đuôi vít có mũi nhọn có khe thoát phôi gỗ nên được sử dụng để đóng cho tất cả các bề mặt ván gỗ khác nhau, dùng để gắn kết kim loại vào gỗ.

- Because the screw tail has a pointed tip with a slot to let the wood billet out, it can be used easily for all different wood plank surfaces, it is applied to attach metal to wood.

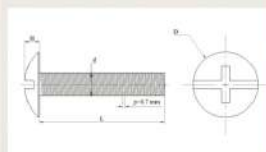
- 因為螺絲尾有一個帶槽的尖頭，可以讓木坯出來，它可以很容易地用於所有不同的木板表面，它適用於將金屬連接到木材上。



VÍT TAY NẮM
PAN HEAD MACHINE THREAD SCREWS
 盤頭機螺紋螺絲



Vít tay nắm
 Pan head machine thread screws
 盤頭機螺紋螺絲



Kích cỡ/ size

Chiều dài/ Length

mm	inch
9	1/3"
12	1/2"
19	3/4"
25	1"
30	1-1/5"
32	1-4/4"
38	1-1/2"
51	2"

5/32"L
 M4*L
 M5*L
 M6*L

- Do đuôi vít có mũi nhọn có khe thoát phôi gỗ nên được sử dụng dễ dàng cho tất cả các bề mặt ván gỗ khác nhau, dùng để gắn kết kim loại vào gỗ.
 - Because the screw tail has a pointed tip with a slot to let the wood billet out, it can be used easily for all different wood plank surfaces, it is applied to attach metal to wood.
 - 因為螺絲尾有一個帶槽的尖頭，可以讓木坯出來，它可以很容易地用於所有不同的木板表面，它適用於將金屬連接到木材上。

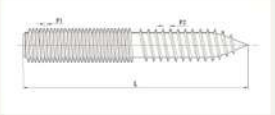
VÍT LỤC GIÁC CHÌM
HEX SOCKET HEAD CAP BOLTS
 螺桿

Vít lục giác chìm Hex socket head cap bolts 螺桿	Kích cỡ/ size		Chiều dài/ Length	
			mm	inch
 M6*L M8*L (mm)	1/4*L 5/16*L (inch)		15	5/8"
			20	3/4"
			25	1"
			30	1-1/4"
			40	1-1/2"
			50	2"
			60	2-3/8"
			100	4"

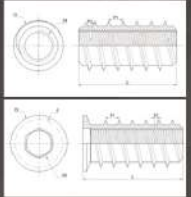




KHỚP NỐI 2 ĐẦU RĂNG
DOUBLE THREADED
 雙頭牙

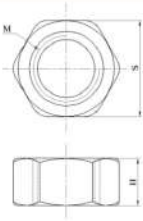
Khớp nối 2 đầu răng Double threaded 雙頭牙	Kích cỡ/ size		Chiều dài/ Length	
			mm	inch
	M6*L M8*L (mm)	1/4*L 5/16*L (inch)	38	1-1/2"
			50	2"
			60	2-3/8"
			70	2-3/4"
			75	3"
			100	4"

TÁN SÒ
DOUBLE THREADED NUTS (*)
 内外牙

Tán sò Double threaded nuts (*) 内外牙	Kích cỡ/ size		Chiều dài/ Length	
			mm	inch
	M6*L M8*L (mm)	1/4*L 5/16*L (inch)	10	1/2"
			15	5/8"
			20	3/4"
			25	1"



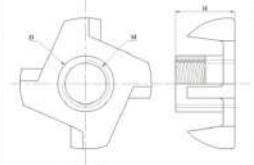
ĐAI ỐC | NUTS | 螺帽

Đai ốc Nuts 螺帽	Kích cỡ/ size	Chiều cao/ High (mm)
		mm
	M6*L M8*L (mm)	10
		12
		13
	Kích cỡ/ size	Chiều cao/ High (mm)
		inch
		1/4*L 5/16*L (inch)
		2/5"
		1/2"



TÁN 4 CHẤU | FOUR-PRONGED T-NUTS | 四角釘



Tán 4 chấu Four-pronged T-nuts 四角釘	Kích cỡ/ size		Chiều dài/ Length	
			mm	inch
	M6*L M8*L (mm)	1/4*L 5/16*L (inch)	10	1/2"
			15	5/8"
			20	3/4"
			25	1"



QUANG KET CO., LTD



COPYRIGHT OF QUANG KẾT CO., LTD